

Số : 608/QĐ-UBND

Thái Thụy, ngày 04 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XX- Kỳ họp thứ Năm về việc phê duyệt dự toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Thái Thụy năm 2023, theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân & Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận :

- Sở Tài chính;
- TT Huyện uỷ, HĐND;
- CT, các phó CT UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hóa



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của UBND huyện)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện 2.290,841 tỷ đồng bằng 127,8% dự toán năm, bằng 129,7% so cùng kỳ. Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) thực hiện 1.747,344 tỷ đồng (Ngân sách cấp huyện: 1.272,686 tỷ đồng; NS cấp xã 474,659 tỷ đồng). Một số chỉ tiêu thu thực hiện như sau:

- Thu tại địa bàn thực hiện 1.003,281 tỷ đồng đạt 62% dự toán năm, bằng 127,06% so với cùng kỳ. Trong đó ngân sách huyện thực hiện 350,514 tỷ đồng, ngân sách cấp xã thực hiện 109,270 tỷ đồng :

+ Thuế ngoài quốc doanh thực hiện 160,031 tỷ đồng (NS cấp huyện 96,859 tỷ đồng, NS cấp xã 30,002 tỷ đồng), đạt 45% dự toán năm; bằng 47,6% so với cùng kỳ.

+ Thuế thu nhập cá nhân thực hiện 22,915 tỷ đồng bằng 76,4% dự toán năm; bằng 75,1% so cùng kỳ .

+ Lệ phí trước bạ thực hiện 50,981 tỷ đồng, đạt 104% dự toán năm, bằng 89,9% so với cùng kỳ.

+ Thu cấp quyền sử dụng đất thực hiện 677,473 tỷ đồng, đạt 59,5% dự toán năm, đạt 253,8% so với cùng kỳ.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên thực hiện 936,086 tỷ đồng đạt 137% dự toán năm, bằng 112,4% so với cùng kỳ. Trong đó bổ sung cân đối 621,360 tỷ đồng đạt 100% dự toán năm; bổ sung có mục tiêu 314,726 tỷ đồng đạt 407% dự toán năm.

- Thu chuyển nguồn ngân sách 288,121 tỷ đồng (ngân sách cấp huyện 220,389 tỷ đồng; NS cấp xã 67,732 tỷ đồng.

- Thu kết dư ngân sách 51,812 tỷ đồng.

- Các khoản ghi thu ngân sách: 9,056 tỷ đồng

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 1.725,002 tỷ đồng đạt 96,3% dự toán năm, bằng 100,6% so với cùng kỳ. (Ngân sách cấp huyện: 1.272,357 tỷ đồng; NS cấp xã 452,644 tỷ đồng) Trong đó:

- Chi phát triển kinh tế thực hiện 509,069 tỷ đồng đạt 65,8% dự toán năm, bằng 109% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 32,4% trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Trong đó:

+ Chi xây dựng cơ bản: 508,119 tỷ đồng (ngân sách cấp huyện 335,310 tỷ đồng; ngân sách cấp xã 152,809 tỷ đồng)

+ Chi đầu tư phát triển khác (bổ sung vốn vay NHCSXH: 0,8 tỷ đồng; vốn vay hỗ trợ nông dân: 0,15 tỷ đồng)

- Chi tiêu dùng thường xuyên thực hiện 1.063,692 tỷ đồng đạt 106,5% dự toán năm, bằng 111,3% so với cùng kỳ.



- Chi chuyển nguồn ngân sách: 144,986 tỷ đồng (ngân sách cấp huyện 113,262 tỷ đồng; ngân sách cấp xã 31,724 tỷ đồng)

3. Sử dụng dự phòng ngân sách:

UBND huyện đã sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện cho một số nhiệm vụ phát sinh là 11,691 tỷ đồng chiếm 78% dự toán; Trong đó chi hỗ trợ công tác tăng cường quản lý và ngăn ngừa pháo nổ là 861 triệu đồng; hỗ trợ công tác tập huấn phòng cháy chữa cháy, ngày hội BVANTQ: 1.130 triệu đồng; công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ: 750 triệu đồng; hỗ trợ công tác diễn tập phòng chống thiên tai –TKCN, diễn tập cụm xã: 1.600 triệu đồng; quà tết Nhân Dân, quà 27/7 cho đối tượng chính sách là 7.350 triệu đồng.

4. Đánh giá công tác quản lý và điều hành ngân sách:

Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 các cấp, các ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt một số nhiệm vụ trọng tâm, tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách nhà nước năm 2022 tại Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Công văn số 07/STC-QLNS ngày 03/01/2023 của Sở Tài chính Thái Bình về việc hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Tăng cường các biện pháp thu NSNN, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế và tại trụ sở người nộp thuế theo kế hoạch; làm tốt công tác tuyên truyền vận động và quản lý nợ thuế để các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc việc kê khai, nộp thuế.

Kết thúc năm ngân sách 2023, hụt thu từ thuế phí, lệ phí là 84,636 tỷ đồng (ngân sách cấp huyện hụt 93,299 tỷ đồng; ngân sách cấp xã tăng thu 8,663 tỷ đồng); Tiền sử dụng đất hụt thu là 556,076 tỷ đồng so với dự toán huyện giao (ngân sách cấp huyện hụt 325,290 tỷ đồng; ngân sách cấp xã hụt thu 230,786 tỷ đồng).

Để cân đối nhiệm vụ chi, xử lý bù đắp nguồn hụt thu ngân sách cấp huyện, UBND huyện dùng triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chi của huyện năm 2023, tổng kinh phí là: 24,371 tỷ đồng, đồng thời UBND tỉnh hỗ trợ bù đắp hụt thu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Văn bản số 9157/BTC-NSNN của Bộ Tài chính là 68.928 triệu đồng.

Về chi đầu tư xây dựng cơ bản cấp huyện:

- Kế hoạch vốn đầu tư XDCB ngân sách cấp huyện là 523,095 tỷ đồng, bao gồm từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn xổ số, nguồn phân cấp cân đối, và nguồn khác; thực hiện đến 31/01/2024 là 355,310 tỷ đồng, đạt 68% dự toán năm.

Về chi thường xuyên: Cơ bản đảm bảo tiến độ, đáp ứng các nhiệm vụ chi chế độ chính sách và hoạt động của các ngành, xử lý kịp thời các nhiệm vụ phát sinh theo yêu cầu của Thường trực Huyện ủy, HĐND-UBND huyện.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 608 /QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.792.447	2.290.841	127,8	129,7
I	Thu NSNN trên địa bàn	1.093.927	1.003.281	91,7	180,4
1	Thu nội địa	1.093.927	1.003.281	91,7	180,4
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	-	288.121		77,0
III	Thu trợ cấp ngân sách tỉnh	698.520	936.086	134,0	112,4
IV	Thu kết dư ngân sách		51.812		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		2.486		
VI	Các khoản ghi thu trên địa bàn		9.056		250,2
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	1.792.447	1.725.001	96,2	100,6
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.792.447	1.715.945	95,7	100,3
1	Chi đầu tư phát triển	774.537	580.669	75,0	124,3
2	Chi thường xuyên	975.890	990.290	101,5	103,6
3	Dự phòng ngân sách	19.440			
4	Chi chuyển nguồn		144.986		
5	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.488		
6	Nguồn cải cách tiền lương	22.581			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		9.056		250,2



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 04/04/2024 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	1.623.293	1.003.281	61,81	127,06
I	Thu nội địa	1.623.293	1.003.281	61,81	127,06
1	Thu từ khu vực DNNN		12.013		1.534,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		334		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	357.750	160.031	44,73	47,66
4	Thuế thu nhập cá nhân	30.000	22.915	76,38	75,11
5	Thuế bảo vệ môi trường		132		
6	Lệ phí trước bạ	49.000	50.981	104,04	89,91
7	Thu phí, lệ phí	26.300	23.225	88,31	108,81
8	Các khoản thu về nhà đất	1.144.243	708.949	61,96	230,69
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	2.138	305,50	
-	Thu tiền sử dụng đất	1.138.043	677.473	59,53	253,80
-	Tiền cho thuê đất, mặt nước	5.500	27.256	495,56	293
-	Thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất		2.082		7,03
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	5.600	7.562	135,04	240,09
10	Thu khác ngân sách	5.200	11.500	221,15	127,21
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.200	4.209	131,55	102,62
12	Thu cấp quyền KT khoáng sản				-
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.000	1.429		
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.093.927	459.784	42,03	82,67
1	Từ các khoản thu phân chia	243.160	146.529	60,26	61,54
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	850.767	313.255	36,82	98,47

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 608 /QĐ-UBND ngày 07 / 4 /2024 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.792.447	1.725.002	96,24	100,58
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.792.447	1.572.761	87,74	110,50
I	Chi đầu tư phát triển	774.537	509.069	65,73	108,96
1	Chi đầu tư cho các dự án	773.587	508.119	65,68	108,93
2	Chi đầu tư phát triển khác	950	950	100,00	126,67
II	Chi thường xuyên	998.470	1.063.692	106,53	111,26
1	Chi an ninh quốc phòng	19.249	33.665	174,89	111,65
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	475.162	565.029	118,91	121,67
3	Chi SN y tế, dân số KHHGD	24.405	24.507	100,42	90,94
4	Chi sự nghiệp KHCN				
5	Chi sự nghiệp VH TT và DL	4.974	9.348	187,93	106,10
6	Chi sự nghiệp phát thanh TH	2.889	4.494	155,57	91,58
7	Chi đảm bảo xã hội	151.896	159.150	104,78	99,71
8	Chi sự nghiệp kinh tế	51.223	59.848	116,84	106,62
-	SN nông nghiệp + MTNN khác	5.014	10.916		
-	Sự nghiệp thủy lợi	990	3.743		
-	Sự nghiệp giao thông	9.768	15.204		
-	Vốn khuyến công, khuyến thương	786	648		
-	Sự nghiệp kinh tế khác	7.490	2.652		
-	Cho hỗ trợ cấp bù thủy lợi phí	27.175	26.686		
9	Chi sự nghiệp môi trường	5.307	9.527	179,52	79,87
10	Chi quy hoạch kiểm kê đất đai cấp GCN quyền SD đất	64.851	4.026	6,21	71,21
11	Chi quản lý hành chính	171.472	190.713	111,22	102,72
12	Chi khác ngân sách	4.462	897	20,10	
13	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.488		
14	TK chi TX giành nguồn CCTL	22.581		-	
III	Dự phòng ngân sách	19.440			
B	Chi chuyển nguồn		144.986		
C	CÁC KHOẢN GHI CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN		7.254		